**BÀI 4**

**QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

**1. BÌNH ĐẲNG TRONG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

**a. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?**

Là bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình dựa trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

**b. Nội dung Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình:**

**ND1: BÌNH ĐẲNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG**

**Bình đẳng trong quan hệ nhân thân:**

Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú; tôn trọng giữ gìn danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ để chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật

**Bình đẳng trong quan hệ tài sản:**

Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung. Quyền sở hữu gồm 3 quyền: chiếm hữu, sử dụng, định đoạt.

Vợ chồng có quyền đại diện cho nhau, thừa kế tài sản của nhau theo quy định của pháp luật.

Vợ, chồng có quyền sở hữu tài sản riêng.

**ND 2: BÌNH ĐẲNG GIỮA CHA MẸ VÀ CON**

- Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con trong việc: chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập và phát triển lành mạnh của con.

- Cha mẹ không được phân biệt đối xử, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con;lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên; xúi hoặc ép buộc con làm điều trái pháp luật, trái đạo đức.

- Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ. Không được có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ.

**KẾT LUẬN:** Pháp luật quy định quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình tạo cơ sở để vợ chồng cùng cố tình yêu, đảm bảo hạnh phúc gia đình, phát huy truyền thống dân tộc về tình nghĩa vợ chồng, khắc phục tư tưởng "Trọng nam khinh nữ" của xã hội phong kiến.

**ND 3: BÌNH ĐẲNG GIỮA ÔNG BÀ VÀ CHÁU**

Đó là mối quan hệ hai chiều.

Ông bà có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt.

Cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.

**ND 4: BÌNH ĐẲNG GIỮA ANH, CHỊ, EM**

Anh chị em có bộ phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ và quyền đùm bọc nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

**KẾT LUẬN CHUNG**: Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình được thực hiện ở việc đối xử công bằng, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau.

**2. BÌNH ĐẲNG TRONG LAO ĐỘNG**

**a. Thế nào là bình đẳng trong lao động?**

Bình đẳng trong lao động được hiểu là

* bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua tìm việc làm;
* bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động;
* bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

**b. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động**

***- ND1: Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động***

* Là mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc…
* Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao được nhà nước và người sử dụng lao động ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tài năng làm lợi cho doanh nghiệp và đất nước.

***- ND2: Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động***

* Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.
* Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là:
* Tự do, tự nguyện, bình đẳng.
* Không trái pháp luật.
* giao kết trực tiếp giữa người sử dụng lao động và người lao động.

***- ND 3: Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ***

BĐ giữa lao động nam và lao động nữ là bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm, tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng về việc làm làm, tiền công, tiền thưởng, BHXH, điều kiện làm việc.

Lưu ý một số ưu tiên đối với lao động nữ:

* Được quan tâm đến đặc điểm về cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ trong lao động.
* Có quyền hưởng chế độ thai sản.
* Không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do: có thai, kết hôn, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi (trừ trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động).
* Không được sử dụng lao động nữ vào những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con.

**3. BÌNH ĐẲNG TRONG KINH DOANH**

**a. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh?**

Là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.

**b.Nội dung Bình đẳng trong kinh doanh**

* Mọi công dân đều có quyền lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
* Hội doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng ký kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
* Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh.
* Mỗi doanh nghiệp đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.